

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

VNIndex sụt giảm mạnh trước lo ngại về diễn biến phức tạp của dịch Covid-19

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Thanh khoản ở hợp đồng F2003 sụt giảm mạnh trong phiên giao dịch cuối cùng

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

VCB, VIC

[Quan điểm đầu tư]

Cân bằng lại vị thế trong những phiên hồi phục

19/03/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	725.94	-2.91
VN30	679.55	-3.01
HĐTL VN30	678.00	-1.45
HNXIndex	100.99	-0.83
HNX30	182.81	-0.95
UPCoM	49.90	-0.93
USD/VND	VND23,372	+0.54
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.77	+25
Lãi suất qua đêm (%)	1.99	-11
Dầu (WTI, \$)	20.37	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,478.90	-0.48



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 725.94 (-2.91%)
KLGD (triệu CP) 308.9 (+50.4%)
GTGD (triệu US\$) 180.5 (-2.0%)

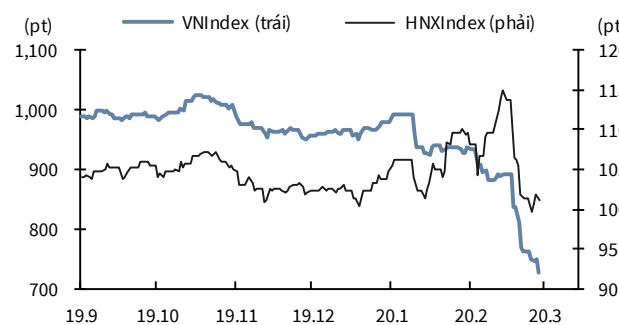
HNXIndex 100.99 (-0.83%)
KLGD (triệu CP) 87.6 (+32.6%)
GTGD (triệu US\$) 20.2 (-6.1%)

UPCoM 49.90 (-0.93%)
KLGD (triệu CP) 10.6 (-31.4%)
GTGD (triệu US\$) 4.7 (-19.6%)

NETNN mua ròng (triệu US\$) -22.4

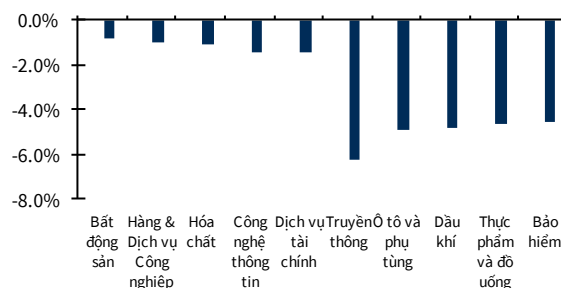
Diễn biến lao dốc của TTCK toàn cầu tiếp tục tạo áp lực khiến chỉ số VNIndex sụt giảm mạnh ngày hôm nay. Thông tin Bộ Tài chính ban hành Thông tư về việc giảm giá và miễn hoàn toàn không thu đối với 15 loại dịch vụ chứng khoán nhằm hỗ trợ thị trường, giúp các chỉ số hồi phục nhẹ và thu hẹp đà giảm điểm. Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán phản ứng tích cực trước thông tin trên, có thể thấy ở MBS (+4.7%), HCM (+1.1%), SSI (0%)... Nhóm cổ phiếu Vingroup giao dịch tích cực hơn thị trường chung với VIC (-0.3%), VRE (-0.9%), VHM (-1.4%), trước thông tin Vingroup mới đây có đề xuất tham gia phát triển 2 khu đô thị với tổng diện tích khoảng 500 ha tại huyện Thạch Thất. Ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu hàng tiêu dùng giảm mạnh ở SAB (-6.6%), VNM (-6.3%), PNJ (-5.2%)... Tương tự, cổ phiếu ngành ngân hàng đồng loạt lao dốc trên diện rộng ở VCB (-4.8%), CTG (-4.1%), BID (-3.3%)... Diễn biến lao dốc ở thị trường hàng hóa và biến động mạnh ở thị trường tiền tệ khiến nhóm cổ phiếu dầu khí giảm mạnh ở GAS (-4.7%), PVD (-5.7%), PVS (-1.9%)..., đồng thời khiến tỷ giá USD/VND tăng lên mức cao nhất từ giữa năm 2019 đến nay. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng mạnh, tập trung ở MSN (-0.4%), HPG (-2.8%), VNM (-6.3%)... Đáng chú ý, phiên hôm nay xuất hiện giao dịch mua lớn của khối ngoại ở FUESSVFL (+6.1%) với giá trị hơn 200 tỷ đồng.

VN Index & HNX Index



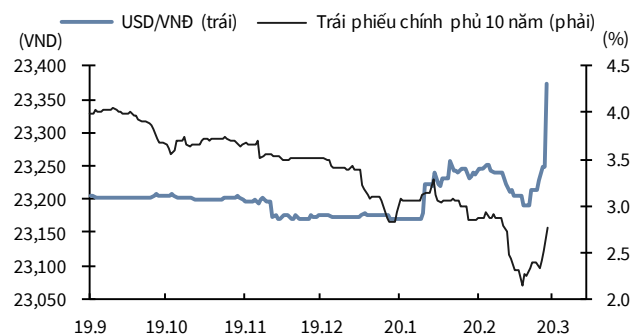
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



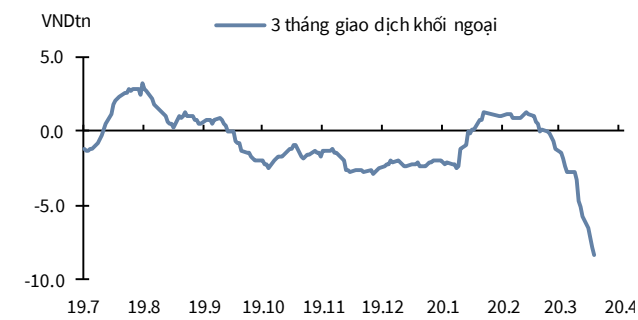
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

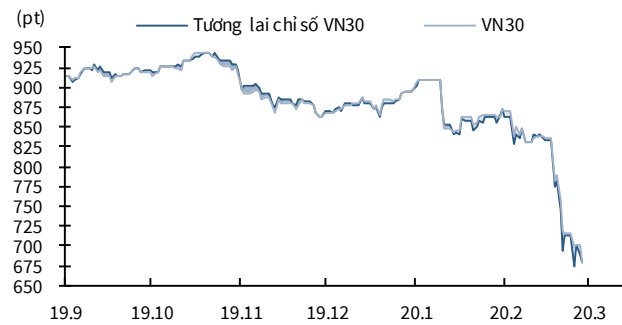
Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	679.55 (-3.01%)
VN30 tương lai	678.0 (-1.45%)
Mở cửa	686.0
Cao nhất	688.0
Thấp nhất	671.8

Hợp đồng	174,986 (-5.4%)
KL HĐ mở OI	N/A

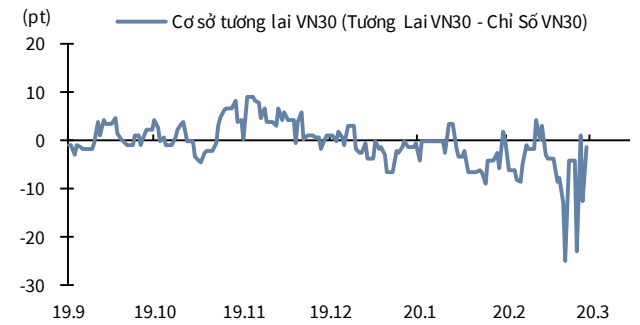
Với việc hôm nay là phiên giao dịch cuối cùng của F2003, thanh khoản ở hợp đồng này sụt giảm mạnh, trong khi bắt đầu gia tăng ở F2004. Tương ứng với đó, chênh lệch âm ở F2003 với chỉ số VN30 Index thu hẹp đáng kể xuống chỉ còn -1.5 điểm, trong khi chênh lệch âm ở F2004 duy trì ở mức cao -12.55 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên giao dịch sôi động, mua ròng mạnh ở F2003, trong khi bán ròng ở F2004.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



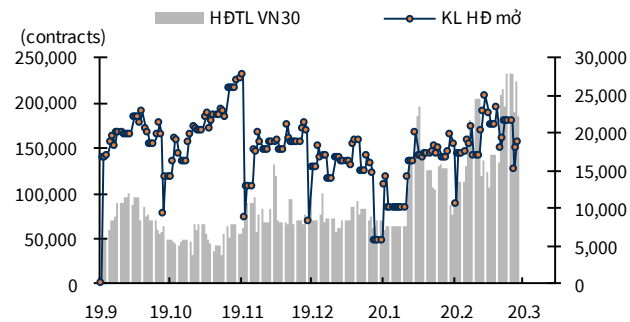
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



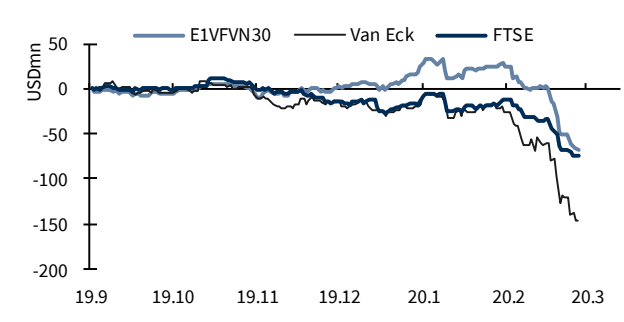
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

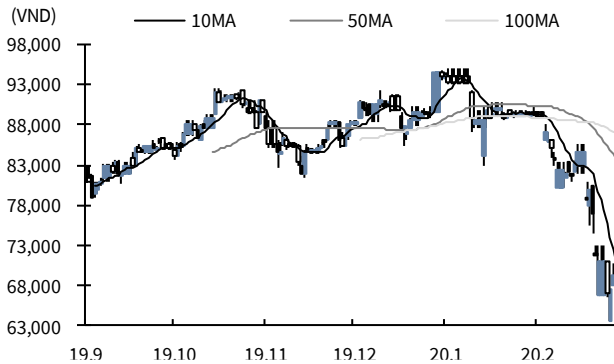
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

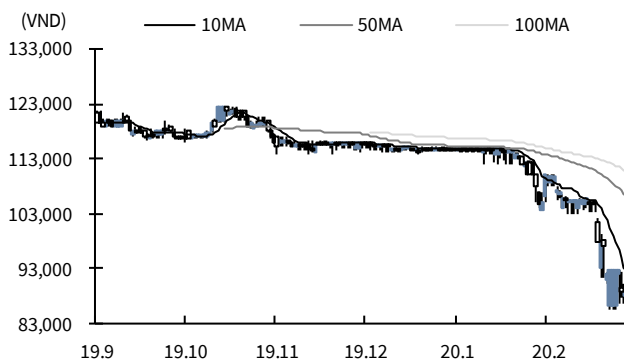
Vietcombank (VCB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VCB giảm -4.8% xuống 66,000 VNĐ/cp.
- HĐQT VCB đã phê duyệt kế hoạch phát hành riêng lẻ tối đa 60 triệu trái phiếu, với tổng giá trị phát hành tối đa 6,000 tỷ đồng trong năm 2020. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không phải là nợ thứ cấp và không có bảo đảm bằng tài sản, với kỳ hạn 05 năm, lãi suất tối đa 5.4%/năm, đáo hạn vào năm 2025 và mệnh giá là 100,000 đồng/trái phiếu.

Vingroup (VIC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC giảm -0.3% xuống 88,700 VNĐ/cp.
- VIC mới đây có văn bản gửi UBND huyện Thạch Thất, TP Hà Nội, đề xuất tham gia phát triển 2 khu đô thị với tổng diện tích khoảng 500 ha.
- Trong đó, khu đô thị thứ nhất dự kiến có diện tích khoảng 200 ha, giáp Đại lộ Thăng Long và Khu công nghệ cao Hòa Lạc. Khu đô thị số 2 khoảng 300 ha, giáp huyện Quốc Oai, cách Đại lộ Thăng Long khoảng 500 m.

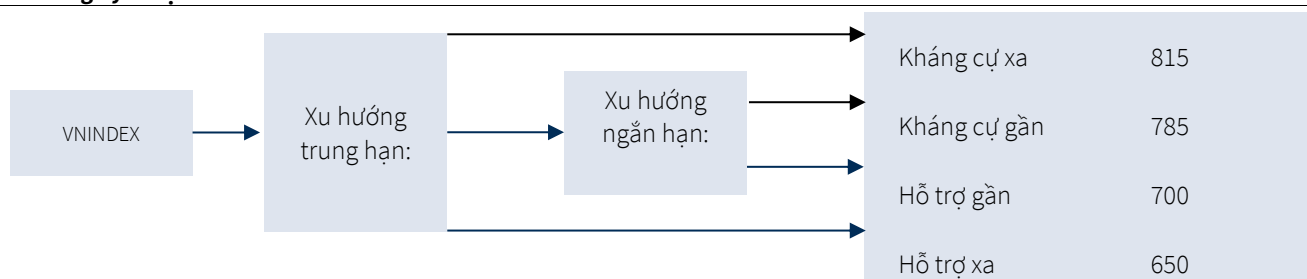
Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap giảm điểm nhưng lực cầu bắt đáy vào cuối phiên đã giúp lấy lại một phần điểm số đã mất đồng thời một lần nữa tạo mẫu hình nến hammer.
- Chúng tôi cho rằng xu hướng giảm điểm chung đang chi phối nhưng cơ hội hồi phục kỹ thuật từ những vùng giá thấp vẫn hiện hữu.
- NĐT được khuyến nghị cân bằng lại vị thế trong những phiên hồi phục, chỉ tham gia giao dịch với tỷ trọng thấp.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



- Chỉ số VN30 cũng giảm mạnh trong phiên trước khi hồi phục nhẹ về cuối phiên.
- Chúng tôi cho rằng những phiên phân phối mạnh liên tiếp trước đó đã giúp giảm đáng kể áp lực cung ở vùng giá thấp. Điều này hàm ý cơ hội hồi phục ngắn hạn cho thị trường có thể sớm xuất hiện.
- NĐT được khuyến nghị giao dịch linh hoạt 2 chiều, LONG tại hỗ trợ / SHORT tại kháng cự trong những phiên tới.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

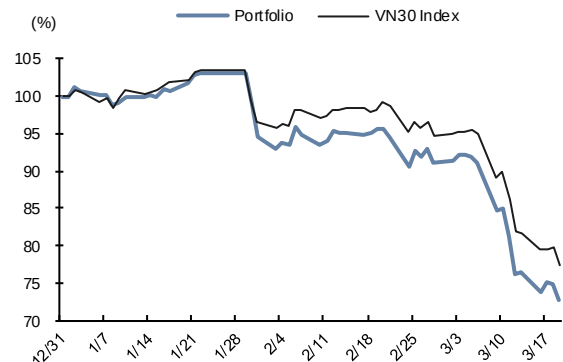
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-3.01%	-2.95%
Tăng lũy kế (YTD)	-22.70%	-27.26%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 19/03/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	75,600	-4.1%	-34.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	21,000	-19%	-216%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	54,400	-5.2%	-29.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	16,100	-2.4%	-18.4%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	29,800	-17%	-12.4%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	47,700	-14%	23.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	20,100	-4.1%	-17.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	98,000	-3.4%	-24.1%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hướng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	19,150	-2.8%	-18.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	11,300	-2.6%	-17.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUESSVFL	6.1%	21.0%	213.3
SCS	-3.4%	28.2%	2.8
CTG	-4.1%	29.7%	1.5
KDH	0.0%	44.4%	1.2
PHR	-1.7%	7.7%	0.8
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	-0.4%	37.7%	-82.9
HPG	-2.8%	37.7%	-78.4
VNM	-6.3%	58.8%	-63.2
VHM	-1.4%	14.9%	-58.2
E1FVN30	-3.1%	99.1%	-57.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	-1.5%	10.3%	1.3
KLF	-5.0%	1.2%	0.8
BVS	0.0%	28.0%	0.4
WCS	-0.3%	26.2%	0.2
ART	-8.8%	5.0%	0.2
Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HUT	5.3%	22.0%	-12.7
PVS	-1.9%	18.4%	-7.0
TNG	-5.5%	16.4%	-1.9
TIG	-5.5%	17.5%	-1.0
SHB	-0.8%	6.4%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	4.0%	PLX, PVD
Hóa chất	2.6%	DPM, DCM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.0%	REE, PAN
Tài nguyên Cơ bản	-0.8%	AAA, DTL
Công nghệ thông tin	-1.7%	SGT, ITD
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-19.6%	YEG, PNC
Bảo hiểm	-11.7%	BVH, PGI
Hàng cá nhân & Gia dụng	-9.5%	PNJ, TLG
Thực phẩm và đồ uống	-9.1%	VNM, SAB
Ngân hàng	-7.1%	VCB, BID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	12.2%	YEG, PNC
Hóa chất	-7.3%	HAI, VAF
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-12.3%	LGC, CAV
Y tế	-14.3%	PME, OPC
Công nghệ thông tin	-15.3%	ITD, ICT
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	-36.2%	TCH, DRC
Bảo hiểm	-33.0%	BVH, BMI
Bán lẻ	-29.9%	MWG, FRT
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-29.0%	GAS, POW
Hàng cá nhân & Gia dụng	-28.1%	PNJ, TLG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa	GTGD	Room còn lại (%, -1đ)	PER (X)		EPS	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
				thị trường (VNĐ tỷ)	(VNĐ triệu , USD mn)		19E	20E	CAGR (%)	19E	20E	19E	20E	1Đ	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	88,700	300,022 (12.838)	80,805 (3.5)	22.1	39.1	20.1	33.6	8.8	14.1	3.4	3.0	-0.3	-3.4	-15.5	-22.9
	VHM	VINHOMES JSC	68,500	225,332 (9.642)	61,025 (2.6)	34.1	8.4	6.9	35.8	38.2	32.3	2.7	1.9	-1.4	-4.9	-20.3	-19.2
	VRE	VNCOM RETAIL JS	21,900	49,764 (2.129)	47,422 (2.0)	16.5	15.6	12.6	16.5	11.2	12.6	1.7	1.5	-0.9	-9.5	-27.4	-35.6
	NVL	NOVA LAND INVES	51,000	49,447 (2.116)	28,759 (1.2)	32.3	16.3	14.6	-6.0	12.7	11.9	1.9	-	0.0	-3.4	-5.7	-14.3
	KDH	KHANGDIEN HOUSE	21,000	11,433 (489)	5,392 (0.2)	4.6	9.7	8.8	18.9	14.9	14.2	1.4	1.3	0.0	-3.0	-14.3	-21.9
	DXG	DAT XANH GROUP	10,650	6,457 (276)	26,489 (1.1)	6.3	3.9	3.0	0.3	17.5	21.2	0.7	-	-2.3	-3.2	-13.4	-26.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	66,000	244,786 (10.475)	84,424 (3.6)	6.2	12.0	10.2	22.3	23.2	21.9	2.2	1.9	-4.8	-7.9	-26.3	-26.8
	BID	BANK FOR INVESTM	33,400	134,335 (5.748)	48,500 (2.1)	12.1	16.2	12.6	13.1	12.8	12.4	1.7	1.5	-3.3	-9.0	-34.9	-27.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	17,250	60,377 (2.584)	66,561 (2.9)	0.0	5.4	4.6	9.3	16.7	16.6	0.8	0.7	-3.9	-3.9	-27.1	-26.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	20,100	74,840 (3.203)	196,270 (8.4)	0.3	7.8	5.3	35.2	13.8	17.0	0.9	0.8	-4.1	-7.8	-25.6	-3.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	20,800	50,705 (2.170)	108,827 (4.7)	0.0	5.1	4.3	16.2	21.1	21.1	1.0	0.8	-3.5	-7.8	-25.2	4.0
	MBB	MILITARYCOMMERC	16,100	38,824 (1.661)	138,699 (6.0)	0.0	4.3	3.8	18.2	21.2	20.5	0.8	0.7	-2.4	-5.0	-25.5	-22.6
	HDB	HDBANK	20,900	20,119 (861)	43,521 (1.9)	6.8	5.3	4.6	16.9	21.4	21.4	0.9	0.7	-1.9	-8.3	-26.7	-24.1
	STB	SACOMBANK	9,750	17,586 (753)	141,037 (6.1)	11.7	6.9	5.3	39.1	10.1	12.7	0.6	0.5	-2.5	-2.0	-14.5	-3.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	21,300	17,606 (753)	5,748 (0.2)	0.0	4.9	4.3	40.1	24.3	21.6	1.1	-	0.0	4.9	0.0	1.2
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,650	19,241 (823)	4,396 (0.2)	0.0	20.7	21.3	18.6	5.8	5.3	1.2	1.1	-4.3	-6.3	-9.5	-12.1
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	37,100	27,540 (1.178)	13,066 (0.6)	19.8	20.4	16.5	6.2	8.1	9.1	1.4	1.3	-4.9	-12.6	-34.2	-45.9
	BMI	BAOMINHINSURANC	17,000	1,553 (0.66)	1,928 (0.1)	11.4	-	-	-	-	-	-	-	-3.4	-8.6	-28.6	-31.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	13,700	7,097 (304)	40,009 (1.7)	47.2	6.9	6.1	-11.4	10.5	11.2	0.7	0.6	0.0	1.1	-22.2	-24.1
	VCI	VIET CAPITAL SEC	18,700	3,073 (132)	1,164 (0.1)	64.8	5.1	4.3	-14.5	14.1	14.8	0.7	0.6	-1.1	-16.0	-33.5	-36.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	13,950	4,260 (182)	21,904 (0.9)	45.4	8.2	4.8	-16.4	12.5	17.7	0.9	0.8	1.1	-1.4	-26.0	-34.7
	VND	VN DIRECT SECURIT	12,950	2,701 (116)	5,541 (0.2)	9.7	7.4	5.7	-4.2	12.5	15.1	0.8	0.7	-0.4	-3.4	-8.8	-10.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	89,000	154,983 (6.632)	136,772 (5.9)	41.2	15.5	14.3	4.7	38.3	39.1	5.3	4.9	-6.3	-11.8	-16.4	-23.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	127,000	81,443 (3.485)	12,343 (0.5)	36.7	17.5	15.3	8.4	25.1	26.6	4.1	3.9	-6.6	-12.2	-28.7	-44.3
	MSN	MASANGROUP CORP	49,200	57,512 (2.461)	111,743 (4.8)	11.3	20.2	16.8	-31.3	8.3	8.3	1.4	1.2	-0.4	-1.5	-2.4	-12.9
	HNG	HOANGANH GIA LA	12,800	14,189 (607)	2,979 (0.1)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	-0.4	-1.5	-4.8	-7.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	98,000	51,336 (2.197)	44,755 (1.9)	11.0	11.5	10.2	-5.2	27.2	27.3	2.8	2.7	-3.4	-3.0	-23.7	-33.0
	GMD	GEMADEPT CORP	16,900	5,018 (215)	6,982 (0.3)	0.0	9.7	9.1	-47.2	9.0	9.0	0.8	0.8	-0.3	2.4	-15.5	-27.5
	CII	HO CHI MINH CITY	19,700	4,882 (209)	11,637 (0.5)	20.8	5.6	7.1	217.5	17.5	11.9	0.8	-	-6.2	-4.1	-15.5	-12.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	5,630	3,196 (137)	39,228 (1.7)	45.5	-	-	-	-	-	-	-	6.8	0.0	-33.9	-67.5
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	14,200	6,933 (297)	16,356 (0.7)	33.7	8.3	6.2	-12.9	13.1	15.5	1.0	1.0	-2.7	0.4	-24.3	-26.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	53,000	4,044 (173)	13,790 (0.6)	2.3	6.3	7.9	-30.7	7.8	6.1	0.5	-	-3.8	-5.9	-24.3	3.3
	REE	REE	29,800	9,240 (395)	24,447 (1.1)	0.0	5.4	4.5	-2.0	15.1	15.9	0.8	0.7	-1.7	6.4	-15.2	-17.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa	GTGD	Room còn lại	PER (X)		EPS	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
				thị trường (VNĐ tỷ)	(VNĐ triệu USD mn)		(%)	(-1đ)	19E	20E	CAGR (%)	19E	20E	19E	20E	1Đ	1W
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	55,300	105,841 (4,529)	34,450 (15)	45.4	10.0	8.7	-3.4	20.5	22.6	2.0	1.8	-4.7	-6.9	-35.2	-41.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	17,850	5,139 (220)	5,659 (0.2)	30.8	7.1	6.5	-2.1	17.5	19.1	1.2	1.2	4.7	-1.1	-11.4	-17.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	22,900	7,342 (314)	6,746 (0.3)	32.7	7.2	7.1	-4.5	17.9	17.4	1.3	-	-2.6	0.7	-19.6	-14.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	19,150	52,875 (2,263)	151,816 (6.5)	11.3	6.5	5.4	-3.4	17.2	18.4	1.0	0.8	-2.8	-0.5	-17.6	-18.5
	DPM	PETROVIETNAM FER	12,050	4,716 (202)	7,996 (0.3)	30.4	10.5	8.2	-20.9	6.3	7.5	0.6	0.6	1.7	8.1	-1.2	-6.9
	DCM	PETROCA MAU FER	5,950	3,150 (135)	2,898 (0.1)	47.2	-	9.7	-	-	-	-	-	2.6	9.0	-3.7	-8.5
	HSG	HOA SEN GROUP	5,940	2,514 (108)	28,000 (1.2)	31.0	6.4	4.8	0.0	7.0	8.5	0.4	0.4	-3.6	-2.6	-26.3	-23.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	10,550	1,806 (077)	23,925 (1.0)	37.1	4.6	7.7	51.8	14.8	9.0	0.5	0.4	-4.1	5.0	-14.2	-16.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	40,100	47,752 (2,043)	16,696 (0.7)	6.7	11.7	10.5	11.2	19.1	19.5	2.2	2.3	-4.8	5.4	-24.2	-28.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	8,200	3,453 (148)	42,775 (1.8)	32.7	16.3	6.3	18.1	1.7	4.1	0.2	0.2	-5.7	-12.3	-38.3	-45.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	8,500	2,392 (102)	10,830 (0.5)	18.7	3.6	4.0	5.3	13.4	13.0	0.4	0.5	-4.3	-12.6	-37.0	-49.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	75,600	34,263 (1,466)	106,929 (4.6)	0.0	7.1	6.0	25.8	33.9	32.5	2.1	1.6	-4.1	-7.0	-31.6	-33.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	54,400	12,250 (524)	51,183 (2.2)	0.0	9.4	8.1	18.8	27.4	27.0	2.2	1.9	-5.2	-14.7	-36.4	-36.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	56,400	1,664 (071)	4,601 (0.2)	68.4	34.0	26.1	-40.0	4.9	6.1	1.7	1.6	-6.9	-21.0	10.6	52.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	14,550	1,149 (049)	9,569 (0.4)	5.8	4.7	5.2	-15.7	16.8	14.2	0.7	0.6	-5.5	-11.8	-23.0	-30.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	41,000	5,555 (238)	30,845 (1.3)	41.3	5.1	6.4	31.3	35.3	22.0	1.6	1.3	-1.7	-1.0	-6.6	7.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	77,000	10,067 (431)	3,662 (0.2)	45.6	15.7	14.6	4.7	19.6	19.9	2.8	2.7	-2.9	-9.3	-20.6	-15.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	56,800	4,261 (182)	2,168 (0.1)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	-4.7	1.1	4.6
IT	FPT	FPT CORP	47,700	32,354 (1,384)	107,702 (4.6)	0.0	9.3	8.0	20.8	25.0	25.8	2.1	1.9	-1.4	-0.8	-14.4	-18.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOI PHAN TICH CONG TY CHUNG KHOAN KB VIET NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
conglth@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfsg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

